TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2020/HNGĐ-PT Ngày: 14 tháng 5 năm 2020 *V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chinh;

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25/12/2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Xuân S, sinh năm 1973 (vắng mặt).
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Vũ Đình Thọ, Văn phòng Luật sư Minh Long - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là anh Đinh Xuân S trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào ngày 18/9/1993 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, hôn lễ được tổ chức theo phong tục của địa phương, việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, chị T về nhà anh làm dâu ngay,

tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc và đã có 03 con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc làm kinh tế dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ lẫn nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nay, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân nên không còn tình cảm. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để mỗi người có cuộc sống mới.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là cháu Đinh Phương T1, sinh ngày 30/8/1994; cháu Đinh Xuân H, sinh ngày 14/10/2003 và cháu Đinh Phương N, sinh ngày 22/7/2010. Hiện các con chung vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn anh và chị T thỏa thuận cháu Đinh Phương T1 đã đến tuổi trưởng thành, cháu ở với ai là tùy cháu; còn 02 cháu Đinh Xuân H và Đinh Phương N giao cho chị T nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung 6.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh S trình bày, vợ chồng đã phân chia xong tài sản, chỉ còn 01 ngôi nhà trần 05 tầng trên thửa đất số: 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190 m^2 nằm tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Nay, ly hôn anh xác định ngôi nhà và thửa đất trên sau này anh sẽ cho con trai là Đinh Xuân H nên anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về công nợ, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị xác nhận lời trình bày về quan hệ hôn nhân mà anh Đinh Xuân S trình bày là đúng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên về nhà hay chửi bới chị và gia đình chị. Trong việc làm kinh tế thì độc đoán không bàn bạc với chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ lẫn nhau. Vì vậy, chị và các con đã chuyển ra ở chỗ khác và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Nay, anh S xin ly hôn chị, trước khi xét xử sơ thẩm, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn anh S. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị T trình bày: Nếu chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này thì chị mới đồng ý ly hôn, còn không chia tài sản chung của vợ chồng thì chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh S có 3 người con chung như anh S trình bày là đúng. Ly hôn, anh chị thỏa thuận cháu Đinh Phương T1 đã đến tuổi trưởng thành, cháu ở với ai là tùy cháu; Còn 02 cháu Đinh Xuân H và Đinh Phương N giao cho chị nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, mỗi con chung 6.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng cơ bản đã phân chia xong, chỉ còn 01 ngôi nhà trần 05 tầng trên thửa đất số: 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190 m nằm tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án chia đôi khối tài sản trên cho mỗi người một nửa, theo chị khối tài sản chung trên có giá trị

khoảng 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng). Nếu anh S nhận sử dụng thửa đất và sở hữu ngôi nhà trên đất thì anh S phải trả chị giá trị một nửa khối tài sản trên là 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng). Ngược lại, nếu chị được quyền sử dụng thửa đất và sở hữu ngôi nhà trên đất thì chị trả anh S giá trị một nửa khối tài sản trên là 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Về công nợ, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Từ những căn cứ trên, Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ vào các Điều 147, Điều 235, Điều 259, Điều 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Đinh Xuân S được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa anh S và chị T: Giao con chung là cháu Đinh Xuân H, sinh ngày 14/10/2003 và Đinh Phương N, sinh ngày 22/7/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi cháu là 6.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, chị Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Chị đề nghị Tòa án xác định lại nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị về việc chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định.

Trước khi xét xử phúc thẩm, chị Nguyễn Thị T có văn bản đề nghị rút một phần kháng cáo. Theo đó, chị không đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, chị T lại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu là đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hộ đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.2] Kháng cáo của chị Nguyễn Thị T trong thời hạn luật định, nên được Tòa án xem xét;

[1.2] Anh Đinh Xuân S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân S kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào ngày 18/9/1993 trên cơ sở tự nguyện. Việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm kinh tế, dẫn tới thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ lẫn nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên về nhà hay chửi bới chị và gia đình chị, đánh đập chị. Trong việc làm kinh tế thì anh độc đoán, không bàn bạc với chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ lẫn nhau. Cả anh S và chị T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T có quan điểm chỉ đồng ý ly hôn khi Tòa án giải quyết phần tài sản theo yêu cầu của chị. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho anh S được ly hôn với chị T. Chị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại mâu thuẫn vợ chồng là do anh S ngoại tình, thường xuyên đánh đập chị và không quan tâm chăm sóc các con. Căn cứ chị đưa ra là Bản tóm tắt bệnh án điều trị nội trú ngày 17/10/2019 của Trung tâm y tế huyện L và 01 USB mà chị cho rằng chứa bản ghi âm, ghi hình thể hiện anh S có hành vi bạo lực gia đình đối với chị. Tuy nhiên, những căn cứ mà chị T đưa ra là không đủ cơ sở để xác định anh S có quan hệ ngoại tình, dẫn đến có hành vi bạo lực gia đình, nên không được Tòa án chấp nhận. Mặt khác, chị T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, nhưng chị chỉ đồng ý ly hôn anh S với điều kiện Tòa án phải giải quyết cả về phần tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân và quan hệ tài sản là hai quan hệ có nội dung khác nhau; việc Tòa án giải quyết cho ly hôn hay không là căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng có thể tiếp tục chung sống hòa thuận, hạnh phúc được không, chứ không phải là căn cứ vào việc có chia tài sản chung của vợ chồng hay không. Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và xử cho anh S được ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp với pháp luật và thực tế. Điều này còn được thể hiện là tại phiên tòa phúc thẩm, chị T cũng xác định là tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn anh S. Vì vậy, cần giữ nguyên quyết định của

Bản án sơ thẩm. Kháng cáo của chị Nguyễn Thị T là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[2.2] Về tài sản chung: Anh Đinh Xuân S và chị Nguyễn Thị T thống nhất trình bày: Vợ chồng có 01 ngôi nhà trần 05 tầng trên thửa đất số 423, tờ bản đồ số 27, có diện tích 190m^2 tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Anh S xác định tài sản này sẽ cho con trai là Đinh Xuân H nên không đề nghị Toà án giải quyết. Chị T đề nghị Tòa án chia tài sản này, theo chị giá trị của tài sản khoảng 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng); Nếu anh S nhận sử dụng thửa đất và sở hữu ngôi nhà trên đất thì anh S phải trả chị giá trị một nửa khối tài sản là 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng). Ngược lại chị được quyền sử dụng thửa đất và sở hữu ngôi nhà trên đất thì chị sẽ trả anh S giá trị một nửa khối tài sản trên là 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Do đây là yêu cầu độc lập, không nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng có liên quan tới vụ án và được phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho chị T thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí Tòa án theo quy định. Mặc dù đã được Tòa án thông báo, nhưng hết thời hạn theo quy định, chị T vẫn không nộp tạm ứng án phí Tòa án theo quy định, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu của chị T là có căn cứ cần được giữ nguyên. Vì vậy, kháng cáo của chị T, đề nghị Tòa án xem xét chia tài sản chung theo yêu cầu của chị là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Về công nợ, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung và án phí sơ thẩm: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Do vậy, quyết định của Bản án sơ thẩm về con chung và án phí có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị T không được chấp nhận, nên chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 32/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Áp dụng các Điều 147, Điều 235, Điều 259, Điều 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Đinh Xuân S được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa anh S và chị T: Giao con chung là cháu Đinh Xuân H, sinh ngày 14/10/2003 và Đinh Phương N, sinh ngày 22/7/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu là 6.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí:

3.1. Anh Đinh Xuân S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001237 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

3.2. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001477 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp